5. Trong trường hợp Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ việc giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, thì doanh nghiệp chỉ phải chịu 50% mức lệ phí quy định tại Khoản 4 Điều này.

6. Trong trường hợp Tòa án ra quyết định đình chỉ việc giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, thì số tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc phá sản đã nộp được nộp vào ngân sách Nhà nước; doanh nghiệp không còn lâm vào tình trạng phá sản phải hoàn trả cho các chủ nợ số tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc phá sản mà họ đã nộp.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24.- Bị cáo, đương sự là người nước ngoài phải nộp án phí, lệ phí theo quy định của Nghị định này, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

Điều 25.- Khi mặt bằng giá cả trên thị trường có biến động từ 20% trở lên, thì Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính phối hợp với Tòa án Nhân dân tối cao điều chỉnh các mức án phí, lệ phí được xác định bằng số tiền cụ thể quy định tại Nghị định này theo sát thời giá.

Điều 26.- Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Nghị định số 61-CP ngày 17-9-1993 của Chính phủ. Các quy định trước đây về án phí, lệ phí Tòa án đều bãi bỏ.

Điều 27.- Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Tài chính phối hợp với Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
K.T. Thủ tướng
Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 118-CP ngày 7-9-1994 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ngày 16 tháng 8 năm 1991 và Nghị định số 374-HĐBT ngày 14-11-1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em;

Xét đề nghị của Bộ trưởng phụ trách công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam là cơ quan thuộc Chính phủ, có chức năng giúp Chính phủ quản lý Nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát và tổ chức sự phối hợp các cơ quan Nhà nước, đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế có liên quan để thực hiện các nhiệm vụ về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Điều 2.- Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Chủ trì phối hợp các cơ quan có liên quan xây dựng trình Chính phủ phê duyệt chiến lược, chương trình, dự án, kế hoạch chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trẻ em trong phạm vi cả nước; tổ chức phối hợp với các cơ quan Nhà nước, đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội để thực hiện chương trình, dự án, kế hoạch đó.

2. Phối hợp các cơ quan có liên quan xây dựng trình Chính phủ các dự án luật, pháp lệnh, chính sách về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; ban hành theo thẩm quyền các văn bản để hướng dẫn, kiểm tra các ngành, các địa phương thực hiện pháp luật, chính sách của Nhà nước về bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Tổ chức việc phối hợp giữa các Bộ, ngành,

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

địa phương, đoàn thể nhân dân, cơ quan truyền thông đại chúng tuyên truyền phổ biến pháp luật, chính sách của Nhà nước về bảo vệ và chăm sóc trẻ em.

3. Phối hợp với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính xây dựng trình Chính phủ kế hoạch tài chính để thực hiện chương trình hành động vì trẻ em. Hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng các nguồn kinh phí dành cho trẻ em theo mục tiêu, kế hoạch được duyệt.

4. Trình Chính phủ việc tham gia các tổ chức quốc tế, việc ký kết, phê duyệt các điều ước quốc tế về trẻ em; tổ chức thực hiện kế hoạch hợp tác quốc tế về trẻ em theo quy định của Chính phủ; tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế về trẻ em khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép.

5. Quản lý một số chương trình, dự án quốc tế tài trợ, viện trợ cho các mục tiêu vì trẻ em theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

6. Bồi dưỡng, hướng dẫn về nghiệp vụ quản lý và các dự án, chương trình hành động vì trẻ em cho đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em ở các cấp.

7. Quản lý, sử dụng Quỹ bảo trợ trẻ em ở Trung ương, hướng dẫn và kiểm tra việc quản lý sử dụng Quỹ bảo trợ trẻ em ở các cấp, các ngành.

8. Thực hiện chức năng thanh tra thi hành Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra việc thực hiện và đề nghị xử lý những vi phạm pháp luật, chính sách của Nhà nước đối với trẻ em.

Điều 3.- Thành phần của Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam gồm có:

- Chủ nhiệm,

- Phó Chủ nhiệm chuyên trách; các Phó Chủ nhiệm là đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh,

- Các Ủy viên kiêm nhiệm là đại diện lãnh đạo các Bộ, ngành, đoàn thể: Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Tư pháp, Ủy ban Dân số và Kế hoạch hóa gia đình, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Tổng cục Thể dục Thể thao, Tổng cục Thống kê, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam, Hội đồng Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh.

Điều 4.- Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam:

- Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm chuyên trách do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm. Các Phó Chủ nhiệm và Ủy viên kiêm nhiệm do các cơ quan cử.

- Chủ nhiệm Ủy ban chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về toàn bộ công tác của Ủy ban. Phó Chủ nhiệm chuyên trách giúp việc Chủ nhiệm, được Chủ nhiệm phân công chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Chủ nhiệm về nhiệm vụ được phân công.

- Các Phó Chủ nhiệm và Ủy viên kiêm nhiệm của Ủy ban có trách nhiệm tham gia đầy đủ các hội nghị của Ủy ban, tham gia thảo luận và quyết định những chủ trương công tác của Ủy ban, chịu trách nhiệm phần việc của Bộ, ngành, đoàn thể mình phải thực hiện về công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em theo phân công của Ủy ban.

Điều 5.-

A. Tổ chức bộ máy chuyên trách của Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam gồm có:

1. Văn phòng,

2. Thanh tra bảo vệ và chăm sóc trẻ em,

3. Vụ Kế hoạch - Tài chính và quản lý các chương trình,

4. Vụ Quan hệ quốc tế.

B. Các đơn vị trực thuộc Ủy ban gồm có:

1. Quỹ Bảo trợ trẻ em.

2. Tạp chí Vì trẻ thơ.

Nhiệm vụ, quyền hạn và lề lối làm việc của các đơn vị có tên trên do Chủ nhiệm Ủy ban quy định.

Điều 6.- Tổ chức bộ máy làm công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em các cấp:

a) Ở một số Bộ có nhiều hoạt động liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em như Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cần có cán bộ chuyên trách giúp đồng chí

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Bộ trưởng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thi hành Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em và thực hiện chương trình hành động của Chính phủ về trẻ em.

b) Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em trực thuộc Ủy ban Nhân dân. Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân làm Chủ nhiệm Ủy ban hoặc có Chủ nhiệm chuyên trách. Thành viên Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân quyết định theo hướng dẫn của Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam. Ủy ban có một Phó Chủ nhiệm chuyên trách và các chuyên viên giúp việc do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân quy định.

c) Ở cấp huyện, quận và tương đương thành lập Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em trực thuộc Ủy ban Nhân dân do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân làm Chủ nhiệm Ủy ban; có chuyên viên chuyên trách giúp việc Ủy ban đặt tại Văn phòng Ủy ban Nhân dân.

d) Ở cấp xã, phường và tương đương thành lập Ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em trực thuộc Ủy ban Nhân dân do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân làm Trưởng ban, có cán bộ giúp việc kiêm nhiệm trong số cán bộ của xã, phường đã được quy định.

e) Ở các cơ quan, xí nghiệp, công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em cần được đưa vào nội dung chương trình công tác của đơn vị, có cán bộ lãnh đạo đơn vị phụ trách và sử dụng các bộ phận chuyên môn của đơn vị giúp việc.

Điều 7.- Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ban hành. Bãi bỏ Nghị định số 362-HĐBT ngày 6-11-1991 của Hội đồng Bộ trưởng và các quy định khác trước đây trái với Nghị định này.

Điều 8. - Chủ nhiệm Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
Thủ tướng
VÕ VĂN KIỆT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 465-TTg ngày 27-8-1994 về việc ban hành Quy chế về Mối quan hệ công tác giữa Chính phủ với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Điều 39 Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Điều 3 và Điều 12 Luật Công đoàn ngày 30 tháng 6 năm 1990;

Sau khi thỏa thuận với Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. - Nay ban hành Quy chế về Mối quan hệ công tác giữa Chính phủ với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam kèm theo Quyết định này.

Điều 2. - Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. - Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thủ tướng Chính phủ
VÕ VĂN KIỆT

QUY CHẾ về Mối quan hệ công tác giữa Chính phủ với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số 465-TTg ngày 27-8-1994 của Thủ tướng Chính phủ).

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 0906524402